

NHẬN DIỆN NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG CHẤT LƯỢNG THÔNG TIN BÁO CÁO TÀI CHÍNH TRÊN QUAN ĐIỂM CỦA CƠ QUAN THUẾ

● PHẠM QUANG HUY - NGUYỄN THÁI PHƯƠNG

TÓM TẮT:

Mục đích của nghiên cứu này nhằm nhận diện các nhân tố tác động đến chất lượng của thông tin được trình bày trên hệ thống báo cáo tài chính của các doanh nghiệp hiện nay trên cơ sở quan điểm của các cán bộ, chuyên viên đang công tác trong lĩnh vực thuế. Mô hình được đề xuất biến Chất lượng thông tin báo cáo tài chính đóng vai trò là biến phụ thuộc, trong khi các biến độc lập ảnh hưởng đến cơ cấu vốn bao gồm môi trường pháp lý thuế, dịch vụ kiểm toán, thị trường tài chính, ứng dụng công nghệ, mức độ công bố, văn bản pháp quy kế toán, kế toán viên và nhà quản trị đơn vị. Nghiên cứu đã sử dụng thống kê mô tả, ma trận tương quan và phân tích nhân tố khám phá để rút ra những kết luận cần thiết. Kết quả cho thấy các biến trên đều có ảnh hưởng đến chất lượng thông tin và các nhà lập chính sách cũng như ban giám đốc công ty có thể cân nhắc để ban hành những quyết định phù hợp trong hoạt động của tổ chức.

Từ khóa: báo cáo tài chính, nhân tố, chất lượng thông tin, cơ quan thuế.

1. Đặt vấn đề

Tổ chức công tác kế toán được xem là một khâu quan trọng trong quá trình vận hành một tổ chức. Đây chính là một cơ quan trọng yếu trong tổng thể một cơ thể hoạt động theo chức năng, kế hoạch, nhiệm vụ của chính công ty đó. Một thành phần đầu ra quan trọng nhất của bộ máy kế toán chính là hệ thống các báo cáo tài chính, báo cáo kế toán cùng các báo cáo quản trị theo yêu cầu của đội ngũ quản lý. Theo đó, báo cáo tài chính (BCTC) là một công cụ quan trọng để công bố thông tin tài chính của một tổ chức, doanh nghiệp. Chất lượng thông tin BCTC ảnh hưởng đến sự minh bạch và đáng tin cậy của thông tin tài chính, ảnh hưởng đến sự tin tưởng của các bên liên quan như cổ đông, ngân hàng, nhà đầu

tư và cơ quan thuế. Tuy nhiên, chất lượng BCTC khó có thể quan sát trực tiếp được và đòi hỏi sự tin tưởng từ phía người đọc, cũng như phản ánh sự liên tục và tiến triển của các tiêu chuẩn BCTC và quy trình kiểm toán. Nguồn gốc của sự phát triển này có thể được liên kết với nhiều yếu tố khác nhau trong lịch sử và tình hình kinh tế toàn cầu.

Trong thực tiễn, việc tạo lập BCTC diễn ra tại các tổ chức kinh tế với mức độ tuân thủ khác nhau. Một số tổ chức có xu hướng biến đổi thông tin trên bảng cân đối kế toán như tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu và trên báo cáo kết quả kinh doanh như chỉ tiêu doanh thu, thu nhập, chi phí. Các điều chỉnh có thể tuân thủ theo chuẩn mực và chế độ kế toán, nhưng đồng thời cũng xuất hiện những vi phạm

chính sách kế toán, như che giấu công nợ, định giá sai tài sản, ghi nhận doanh thu, chi phí không đúng, hoặc che dấu thông tin, ghi sai kỳ kế toán hoặc không công bố đầy đủ thông tin. Tất cả những biến đổi này không chỉ ảnh hưởng đến sự hiệu quả của quyết định kinh doanh còn tác động trực tiếp đến quyết định kinh tế của những người sử dụng thông tin trên BCTC. Xuất phát từ sự hữu ích và sự cần thiết của chất lượng BCTC đối với các doanh nghiệp, nhiều nhà nghiên cứu cả trong và ngoài nước đã tiến hành các nghiên cứu nhằm xác định các thuộc tính quan trọng của chất lượng thông tin của BCTC, những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng này và cách đo lường. Những nghiên cứu này đã hình thành một hệ thống dữ liệu và thông tin hữu ích cho những người quan tâm đến vấn đề CLTT BCTC. Tuy nhiên, các kết quả nghiên cứu trước đây chưa phân loại là nhận định của nhóm đối tượng hay cách nhìn thực tế bởi góc nhìn trong việc đánh giá các yếu tố tác động đến chất lượng. Cách nhìn khác nhau thì chất lượng tạo ra cũng sẽ khác nhau. Trong nghiên cứu này, mục tiêu chính là tìm hiểu về chất lượng thông tin BCTC trên quan điểm của những người làm trong lĩnh vực thuế, là một mảng quan trọng tạo ra nguồn thu chính cho ngân sách của quốc gia.

2. Phương pháp nghiên cứu và khung lý thuyết cơ bản

2.1. Phương pháp nghiên cứu sử dụng

Đối với nghiên cứu phân tích nhân tố theo hướng hàn lâm việc xác định để đảm bảo có độ tin cậy sẽ được thực hiện theo phương pháp nghiên cứu hỗn hợp, đó là sự kết hợp giữa phương pháp nghiên cứu pháp định tính và định lượng. Theo đó:

- *Nghiên cứu định tính*: trên cơ sở lược khảo các nghiên cứu trước, các lý thuyết nền liên quan đến chất lượng thông tin BCTC của các DN, nghiên cứu đề xuất mô hình liên quan và thang đo nháp cho các biến trong mô hình; từ đó thông qua khảo sát các chuyên gia (công chức, viên chức, người lao động trong phòng thanh tra thuế, đội kiểm tra thuế, đội tuyên truyền) để hiệu chỉnh mô hình và thang đo, hình thành mô hình nghiên cứu và thang đo nghiên cứu chính thức.

- *Nghiên cứu định lượng*: sau khi xác định mô hình và thang đo nghiên cứu chính thức, thu thập dữ liệu sơ cấp bằng cách sử dụng bảng câu hỏi

khảo sát với phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên. Sử dụng phần mềm thống kê SPSS 20.0 để xử lý dữ liệu, với các kỹ thuật như: đánh giá độ tin cậy thang đo, phân tích nhân tố khám phá, kiểm định mô hình hồi quy bội...

2.2. Lý thuyết nền áp dụng

Lý thuyết ngẫu nhiên

Lý thuyết dựa trên lập luận không tồn tại một hệ thống quản trị hiệu quả duy nhất phù hợp cho mọi tổ chức, mọi tình huống. Điều này do những đặc tính đặc biệt của hệ thống và hiệu suất của nó phụ thuộc vào đặc điểm độc đáo của tổ chức và yếu tố liên quan đến ngữ cảnh (Otley, 1980; Ferreira và Otley, 2005). Lý thuyết này đã được nghiên cứu rộng rãi trong lĩnh vực kế toán và được sử dụng như một cơ sở để giải thích mối quan hệ giữa các yếu tố như quy mô doanh nghiệp, hiệu suất của hệ thống quản trị chiến lược, kiểm toán độc lập, trình độ của nhân viên, áp lực thuế và sự hỗ trợ từ phía của nhà quản trị... đến hiệu quả của công tác kế toán trong các công ty (Philippe Chapellier & ctg, 2010; Ahmad & Mohamed Zabri, 2015). Lý thuyết sử dụng xác định các nhân tố như áp lực từ thuế, chất lượng kiểm toán.

Lý thuyết phụ thuộc nguồn lực

Lý thuyết phụ thuộc vào nguồn lực, được xây dựng bởi Pfeffer và Salancik vào năm 1978. Lý thuyết đưa ra tầm quan trọng về vai trò nguồn lực, việc cung cấp nguồn lực sẽ tăng cường chức năng tổ chức, hiệu quả hoạt động và sự sống còn của tổ chức, nguồn lực được hiểu như là tất cả tài sản, năng lực, quy trình hoạt động, thông tin và tri thức được kiểm soát bởi tổ chức và giúp tổ chức nhận thức nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu suất hoạt động. Bên cạnh các nguồn lực bên trong thì các nguồn lực doanh nghiệp sử dụng bên ngoài cũng là nền tảng về vai trò nguồn lực, lý thuyết cho thấy vai trò của hội đồng quản trị, nhà quản lý doanh nghiệp trong việc cung cấp, hỗ trợ giúp công ty phát triển. Bên cạnh đó, trình độ của nhân viên là một trong những nguồn lực quan trọng góp phần vào thành công của mỗi doanh nghiệp.

3. Nhận diện các nhân tố tác động chất lượng báo cáo tài chính theo quan điểm cơ quan thuế

3.1. Mẫu khảo sát và thống kê mô tả

Tổng cộng ban đầu nghiên cứu đã phát ra 280 khảo sát định lượng được gửi đi bằng hình thức là

gửi qua các công cụ giao tiếp trực tuyến thì có 226 khảo sát hợp lệ được thu về, tỷ lệ đạt 98,69% thông qua chọn mẫu theo phương pháp ngẫu nhiên. Thống kê mô tả của mẫu nghiên cứu như Bảng 1.

3.2. Đánh giá độ tin cậy thang đo

Để kiểm tra độ tin cậy cho thang đo các nhân tố tác giả sử dụng hệ số Cronbach's Alpha để đo lường mức độ tin cậy thang đo và hệ số tương quan biến - tổng để xem xét mối quan hệ giữa các chỉ báo trong từng nhân tố (Nguyễn Đình Thọ, 2011). Tiêu chuẩn để đánh giá một thang đo tin cậy trong nghiên cứu là hệ số Cronbach's Alpha tối thiểu bằng 0,7 và hệ số tương quan biến - tổng tối thiểu bằng 0,3. Kết quả như Bảng 2.

3.3. Phân tích nhân tố khám phá

Kết quả phân tích nhân tố khám phá biến độc lập được dừng lại ở kết quả phân tích lần thứ 6 cho thấy tất cả trong số đều > 0.5 , giá trị KMO = 0.803 và Sig = 0 cho thấy việc phân tích nhân tố là phù hợp. Với Eigenvalue = 1.366 > 1 , tổng phương sai trích là 80.378% $> 50\%$ cho thấy mức độ biến thiên của số liệu được giải thích. Phân tích nhân tố đã rút trích được 8 nhóm nhân tố thoả điều kiện hội tụ và phân biệt từ 41 biến quan sát phù hợp với nhân tố ban đầu khi nghiên cứu lý thuyết. (Bảng 3)

Như vậy thang đo được chấp nhận và 35 biến quan sát được tập hợp thành 8 nhóm, cụ thể như

Bảng 1. Thống kê mô tả mẫu nghiên cứu

Thuộc tính	Chỉ tiêu	Tần số	Tỷ lệ (%)
Giới tính	Nam	75	33,2%
	Nữ	151	66,8%
Chức vụ	Trưởng/Phó phòng	3	1,3%
	Đội trưởng/phó	8	3,6%
	Công chức	215	95,1%
Thâm niên công tác	Dưới 1 năm	17	7,5%
	Từ 1 năm - 5 năm	164	72,6%
	Trên 5 năm - 10 năm	38	16,8%
	Trên 10 năm	7	3,1%

Nguồn: Kết quả tính toán của nghiên cứu

sau: (1) KS: các chỉ tiêu thuộc nhân tố Hệ thống, chuẩn mực và chế độ kế toán, kiểm soát nội bộ gồm 7 biến: KS2, KS3, KS4, KS5, KS6, KS7, KS8; (2) CT: các chỉ tiêu thuộc nhân tố Môi trường pháp lý và áp lực từ cơ quan thuế gồm 5 biến: CT1, CT2, CT3, CT4, CT5; (3) HV: Các chỉ tiêu thuộc nhân tố Quản trị doanh nghiệp trong nhân sự và tài chính gồm 6 biến: HV1, HV2, HV3, HV4, HV5, HV6; (4) NL: chỉ tiêu thuộc nhân tố Năng lực nhân viên kế toán gồm 4 biến: NL1, NL2, NL3, NL4; (5) MT: chỉ tiêu thuộc nhân tố Môi trường hoạt động, mức độ công bố thông tin gồm 4 biến: MT1, MT2, MT3, MT4; (6) CL: chỉ tiêu thuộc nhân tố Dịch vụ kiểm toán gồm 3 biến: CL1, CL2, CL3; (7) TT: chỉ tiêu

Bảng 2. Đánh giá độ tin cậy thang đo các biến trong mô hình

Tên khái niệm	Số lượng biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha tổng	Biến thiên tương quan biến tổng	Biến thiên Hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến
Môi trường pháp lý, áp lực từ cơ quan thuế (AL)	4	0.800	0.330-0.778	0.675-0.884
Dịch vụ kiểm toán (CL)	3	0.913	0.793-0.886	0.822-0.903
Thị trường tài chính: Niêm yết CK (TT)	3	0.913	0.743-0.884	0.825-0.942
Ứng dụng công nghệ/Chất lượng phần mềm (CT)	6	0.940	0.676-0.887	0.920-0.945
Mức độ công bố thông tin (MT)	6	0.921	0.767-0.834	0.900-0.918
Chuẩn mực, chế độ kế toán, kiểm soát (KS)	8	0.946	0.726-0.872	0.934-0.945
Năng lực nhân viên kế toán (NL)	4	0.945	0.827-0.929	0.912-0.943
Quản trị trong nhân sự và tài chính (HV)	7	0.904	0.616-0.890	0.871-0.903

Nguồn: Kết quả tính toán của nghiên cứu

Bảng 3. Bảng ma trận xoay nhân tố

Biến quan sát	Thành phần							
	1	2	3	4	5	6	7	8
AL1								0.875
AL2								0.914
AL3								0.864
CL1						0.884		
CL2						0.906		
CL3						0.840		
TT1							0.824	
TT2							0.883	
TT3							0.854	
CT1		0.877						
CT2		0.913						
CT3		0.889						
CT4		0.879						
CT5		0.710						
MT1					0.861			
MT2					0.851			
MT3	0.413				0.741			
MT4	0.377				0.714			
KS2	0.770							
KS3	0.841							
KS4	0.871							
KS5	0.903							
KS6	0.864							
KS7	0.853							
KS8	0.832							
NL1				0.908				
NL2				0.945				
NL3				0.936				
NL4				0.896				
HV1			0.768					
HV2			0.871					
HV3			0.928					
HV4			0.789					
HV5			0.771					
HV6			0.796					

Biến quan sát	Thành phần							
	1	2	3	4	5	6	7	8
Eigenvalue								1.366
Tổng phương sai trích (Cumulative)								80.38%
Hệ số KMO								0.803
Sig								0.000

Nguồn: Kết quả tính toán của nghiên cứu

thuộc nhân tố Môi trường thị trường tài chính: Niêm yết CK gồm 3 biến: TT1, TT2, TT3; (8) AL: các chỉ tiêu thuộc nhân tố Môi trường pháp lý và áp lực từ cơ quan thuế gồm 3 biến: AL1, AL2, AL3.

4. Kết luận và một số kiến nghị

4.1. Kết luận

Nghiên cứu được thực hiện nhằm giải quyết mục tiêu nhận diện được những nhân tố tác động đến chất lượng thông tin trên BCTC của doanh nghiệp từ góc độ của các cơ quan thuế trên địa bàn tại TP. Hồ Chí Minh. Qua quá trình nghiên cứu, bằng phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, xử lý dữ liệu bằng phần mềm SPSS, với các kỹ thuật như kiểm định độ tin cậy thang đo với hệ số Cronbach alpha, phân tích nhân tố khám phá EFA, kiểm định mô hình hồi quy bội, nghiên cứu đã cho thấy ban đầu có 8 nhân tố ảnh hưởng nhưng sau quá trình xác lập mô hình, chạy các hệ số, kết quả nghiên cứu còn có 7 nhóm nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng thông tin BCTC của doanh nghiệp từ góc độ của các cơ quan thuế trên địa bàn tại TP. Hồ Chí Minh: Môi trường pháp lý và áp lực từ cơ quan thuế; Môi trường hoạt động, mức độ công bố thông tin; Quản trị doanh nghiệp trong nhân sự và tài

chính; Môi trường thị trường tài chính: Niêm yết chứng khoán; Năng lực nhân viên kế toán; Hệ thống, chuẩn mực và chế độ kế toán, kiểm soát nội bộ; Ứng dụng công nghệ thông tin/chất lượng phần mềm kế toán.

4.2. Kết luận

Sự phát triển của chất lượng thông tin trên bộ BCTC là một quá trình liên tục, được định hình bởi nhiều yếu tố như sự thay đổi công nghệ, yêu cầu của bên liên quan và sự phát triển của các tiêu chuẩn quốc tế. Điều này đảm bảo rằng thông tin tài chính được cung cấp ngày càng chính xác và hữu ích trong quá trình đưa ra quyết định kinh tế. Chủ đề nghiên cứu về "Chất lượng thông tin BCTC" đã trở thành đối tượng nghiên cứu từ khá lâu và không thể chỉ định rõ ngày đầu tiên nghiên cứu về chủ đề này. Tuy nhiên, quan tâm và nghiên cứu tăng lên đáng kể từ những năm 1970 và 1980 khi mô hình kế toán tài chính bắt đầu trở nên phức tạp và các vấn đề về chất lượng nổi lên. Qua kết quả này đã đóng góp một góc nhìn khác về chất lượng thông tin qua nhân tố định hình bởi ánh nhìn, suy nghĩ của những người làm trong công tác thuế tại Việt Nam nói chung và môi trường TP. Hồ Chí Minh nói riêng ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Al-Homaidi, E. A., Almaqtari, F. A., Yahya, A. T., & Khaled, A. S. (2020). Internal and external determinants of listed commercial banks' profitability in India: Dynamic GMM approach. *International Journal of Monetary Economics and Finance*, 13(1), 34-67.

2. Almaqtari, F. A., Hashed, A. A., Shamim, M., & Al-Ahdal, W. M. (2021). Impact of corporate governance mechanisms on financial reporting quality: A study of Indian GAAP and Indian Accounting Standards. *Problems and Perspectives in Management*, 18(4), 1.

3. El-Bannany, M. (2018). Financial reporting quality for banks in Egypt and the UAE. *Corporate Ownership & Control*, 15(2), 116-131.

4. Ojala, H., Malo, P., & Penttinen, E. (2023). Private firms' tax aggressiveness and lightweight pre-tax-audit interventions by the tax administration. *Journal of International Accounting, Auditing and Taxation*, 51, 100550.

5. Phạm Thị Mai. (2020) .Các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin báo cáo tài chính của các doanh nghiệp xây dựng trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
6. Phùng Thị Như Ý. (2023). Các nhân tố tác động đến chất lượng thông tin trên báo cáo tài chính - Nghiên cứu các doanh nghiệp tại TP. Hồ Chí Minh. Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
7. Yu, X., & Fang, J. (2022). Tax credit rating and corporate innovation decisions. China Journal of Accounting Research, 15(1), 100222.

Ngày nhận bài: 9/4/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 28/4/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 12/5/2024

Thông tin tác giả:

1. PHẠM QUANG HUY

Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

2. NGUYỄN THÁI PHƯƠNG

Trung tâm Công nghệ môi trường COSHET

DETERMINING THE FACTORS AFFECTING THE INFORMATION QUALITY OF FINANCIAL STATEMENTS FROM THE PERSPECTIVE OF TAX AUTHORITIES

● **PHAM QUANG HUY¹**

● **NGUYEN THAI PHUONG²**

¹University of Economics Ho Chi Minh City

²COSHET Environmental Technology Center

ABSTRACT:

This study identified the factors affecting the quality of information in financial statements from the perspective of tax officials and experts. In the study's research model, the quality of information on financial statements is the dependent variable, while the independent variables affecting the capital structure of companies are the tax legal environment, auditing services, financial markets, technology application, disclosure level, accounting legal documents, accountants, and business managers. The study used descriptive statistics, a correlation matrix, and exploratory factor analysis to draw the necessary conclusions. The results indicated that all the above-mentioned variables affect the information quality of financial statements. Based on the study's results, the boards of directors of companies could make appropriate management decisions.

Keywords: financial reports, factors, information quality, tax authorities.